

Số: 9989/YCBG-BVĐKBN2  
V/v yêu cầu báo giá gói thầu: Mua  
sắm vật tư phẫu thuật khớp, đinh,  
nẹp, vít chấn thương, bơm xi măng  
cột sống năm 2025-2027

Bắc Ninh, ngày 29 tháng 12 năm 2025

### **YÊU CẦU BÁO GIÁ**

**Gói thầu: Mua sắm vật tư phẫu thuật khớp, đinh, nẹp, vít chấn thương,  
bơm xi măng cột sống năm 2025-2027**

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2 có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, làm cơ sở tổ chức mua sắm gói thầu: Mua sắm vật tư phẫu thuật khớp, đinh, nẹp, vít chấn thương, bơm xi măng cột sống năm 2025-2027 với nội dung cụ thể như sau:

#### **I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá**

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2.

Địa chỉ: Đường Nguyễn Quyền - Phường Võ Cường - Tỉnh Bắc Ninh.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Họ và tên: Nguyễn Thị Nga

- Chức vụ: Văn thư

- Số điện thoại: 0222.3821.242

- Địa chỉ email: [bvdkbacninh@gmail.com](mailto:bvdkbacninh@gmail.com)

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2 tiếp nhận báo giá theo một trong các cách thức sau:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Văn thư - Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2 - Đường Nguyễn Quyền - Phường Võ Cường - Tỉnh Bắc Ninh.

- Hoặc nhận qua email (bản quét PDF đã có chữ ký, đóng dấu đỏ Công ty và file excel) theo địa chỉ: [bvdkbacninh@gmail.com](mailto:bvdkbacninh@gmail.com)

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 29 tháng 12 năm 2025 đến 16h30 ngày 09 tháng 01 năm 2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 09 tháng

01 năm 2026.

## **II. Nội dung yêu cầu báo giá:**

1. Danh mục hàng hoá, thiết bị y tế yêu cầu chi tiết Bảng sau: Theo Phụ lục đính kèm

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế:

- Địa điểm giao hàng: Giao hàng tại Kho Vật tư, Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2, Đường Nguyễn Quyền, Phường Võ Cường, tỉnh Bắc Ninh.

- Hàng hóa được cung cấp thành nhiều đợt theo yêu cầu hàng tháng của Bệnh viện.

- Thời gian giao hàng dự kiến: Giao hàng trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu từ Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2 (Giao hàng trong giờ hành chính)

3. Thời gian thực hiện hợp đồng dự kiến: 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Không tạm ứng.

- Thanh toán bằng chuyển khoản.

- Thanh toán trong vòng 90 ngày kể từ ngày hoàn tất các thủ tục thanh toán (hóa đơn, biên bản bàn giao và các chứng từ liên quan...) bên mua sẽ chuyển khoản toàn bộ số tiền đã mua hàng hóa cho bên bán.

5. Các thông tin khác (nếu có).

- Chất lượng hàng hoá mới 100%

- Báo giá đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có)...Và các khoản chi phí khác có liên quan, bên mua không phải trả thêm bất kỳ khoản chi phí nào khác.

### **Lưu ý:**

- Công ty, nhà cung cấp có thể báo giá một/nhiều/toàn bộ danh mục hàng hoá. Đối với danh mục hàng hóa từ STT 1 đến STT 8 thì phải chào đầy đủ các thành phần của bộ.

- Đề nghị nhà thầu chào rõ tiêu chuẩn chất lượng của hàng hóa.

### **Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Cổng thông tin điện tử UBND tỉnh (đăng tải);
- Cổng thông tin điện tử SYT (đăng tải);
- Phòng TCKT (đăng tải trên HT mạng ĐT Quốc gia);
- Phòng Công nghệ thông tin (đăng tải trên website của BV);
- Lưu VT, HĐXDG.

**GIÁM ĐỐC**

**Hạ Bá Chân**

**Phụ lục: Yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật**

**Gói thầu: Mua sắm vật tư phẫu thuật khớp, đinh, nẹp, vít chấn thương, bơm xi măng cột sống năm 2025-2027**

*(Kèm theo yêu cầu báo giá số 9989/YCBG-BVĐKBN2 ngày 29/12/2025 của Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2)*

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật
<b>1</b>	<b>Bộ bơm xi măng loại có bóng</b>			- Đạt tối thiểu một trong các chứng nhận/chứng chỉ: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu). - Xuất xứ: G7 (Mỹ, Anh, Canada, Pháp, Đức, Ý, Nhật Bản).
1.1	Bộ bơm xi măng loại có bóng	Bộ	500	Tối thiểu bao gồm: - 02 kim chọc dò cuống sống 10G hoặc 11G, mũi vát. - 01 kim chọc tạo đường hầm. - 02 bóng nong thân đốt sống có tối thiểu các cỡ: 10, 15, 20mm: Áp suất tối đa: $\geq 400$ psi. - 02 bơm bóng có đồng hồ dạng analog hoặc digital. - 06 kim chọc bơm xi măng. - 01 bộ trộn xi măng dung tích $\geq 40$ cc.
1.2	Xi măng xương cột sống	Gói	500	Bao gồm: - Xi măng xương dùng cho phẫu thuật cột sống: + Khối lượng xi măng: $\geq 20$ g. + Thành phần: $\geq 10$ g PMMA (Polymethyl Methacrylate); $\geq 0,1$ g Benzoyl peroxid; BaSO <sub>4</sub> (Bariumsulfat) hoặc ZrO <sub>2</sub> (Zirconium dioxide). + Thời gian làm việc: $\geq 15$ phút ở nhiệt độ 20-23°C - Dung dịch pha: + Thể tích: $\geq 10$ ml + Thành phần: $\geq 9$ ml MMA (Methyl Methacrylate)
<b>2</b>	<b>Bộ bơm xi măng loại có bóng cong</b>			- Đạt tối thiểu một trong các chứng nhận/chứng chỉ: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu).
2.1	Bộ bơm xi măng loại có bóng cong	Bộ	200	Tối thiểu bao gồm: - 01 kim chọc dò cuống sống mũi vát. - 01 kim chọc khoan tạo đường hầm đầu cong. - 01 bóng nong dạng cong có tối thiểu cỡ: 20mm: Áp suất tối đa: $\geq 400$ psi. - 01 bơm bóng có đồng hồ dạng analog hoặc digital. - 04 kim chọc đẩy bơm xi măng.

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật
				- 01 Bộ bơm áp lực xi măng có tính năng trộn hoặc bộ bơm áp lực kèm theo bộ trộn xi măng: dung tích bộ trộn xi măng $\geq 40$ cc.
2.2	Xi măng xương cột sống	Gói	200	Bao gồm: - Xi măng xương dùng cho phẫu thuật cột sống: + Khối lượng xi măng: $\geq 20$ g. + Thành phần: $\geq 10$ g PMMA (Polymethyl Methacrylate); $\geq 0,1$ g Benzoyl peroxid; BaSO <sub>4</sub> (Bariumsulfat) hoặc ZrO <sub>2</sub> (Zirconium dioxide). + Thời gian làm việc: $\geq 15$ phút ở nhiệt độ 20-23°C - Dung dịch pha: + Thể tích: $\geq 10$ ml + Thành phần: $\geq 9$ ml MMA (Methyl Methacrylate) - Xuất xứ: G7 (Mỹ, Anh, Canada, Pháp, Đức, Ý, Nhật Bản).
3	<b>Bộ bơm xi măng loại không bóng</b>			- Đạt tối thiểu một trong các chứng nhận/chứng chỉ: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu). - Xuất xứ: G7 (Mỹ, Anh, Canada, Pháp, Đức, Ý, Nhật Bản).
3.1	Bộ bơm xi măng loại không bóng	Bộ	50	Tối thiểu bao gồm: - 02 kim chọc dò cuống sống mũi vát, tối thiểu có các cỡ: 11G và 13G. - 01 Bộ bơm áp lực tích hợp trộn xi măng hoặc bộ bơm áp lực và bộ trộn xi măng tách rời: dung tích bộ trộn xi măng $\geq 40$ cc dạng tay quay.
3.2	Xi măng xương cột sống	Gói	50	Bao gồm: - Xi măng xương dùng cho phẫu thuật cột sống: + Khối lượng xi măng: $\geq 20$ g. + Thành phần: $\geq 10$ g PMMA (Polymethyl Methacrylate); $\geq 0,1$ g Benzoyl peroxid; BaSO <sub>4</sub> (Bariumsulfat) hoặc ZrO <sub>2</sub> (Zirconium dioxide). + Thời gian làm việc: $\geq 18$ phút ở nhiệt độ 20-23°C - Dung dịch pha: + Thể tích: $\geq 10$ ml + Thành phần: $\geq 9$ ml MMA (Methyl Methacrylate)
4	<b>Bộ khớp gối toàn phần cố định có trục cam chống trượt</b>			- Đạt tối thiểu chứng nhận/chứng chỉ FDA (Mỹ) đối với lõi cầu, mâm chày, lớp lót mâm chày, bánh chèn. - Đạt tối thiểu một trong các chứng nhận/chứng chỉ: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) đối với xi măng kháng sinh.

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật
				- Để đảm bảo tính đồng bộ của sản phẩm theo tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ, các thành phần sau phải cùng một chủ sở hữu và tương thích với nhau: lõi cầu, mâm chày, lớp lót mâm chày, bánh chèn. <i>(Trường hợp các thành phần không cùng một chủ sở hữu thì phải cung cấp tài liệu của nhà sản xuất chứng minh tính tương thích và đồng bộ với nhau).</i>
4.1	Lõi cầu	Cái	20	- Chất liệu: Hợp kim CoCr (Cobalt Chrome). - Có các cỡ theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.
4.2	Mâm chày	Cái	20	- Chất liệu: Hợp kim CoCr (Cobalt Chrome). - Có cơ chế khóa, có thể xoay khi duỗi và xoay khi gấp. - Có các cỡ theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.
4.3	Lớp lót mâm chày	Cái	20	- Chất liệu: polyethylene cao phân tử (UHMWPE). - Có các cỡ theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất. - Độ dày tối thiểu trong khoảng từ 9mm đến 18mm.
4.4	Bánh chèn	Cái	20	- Chất liệu: Polyethylene cao phân tử. - Có các cỡ theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.
4.5	Xi măng kháng sinh	Gói	20	- Thành phần theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất. - Đóng gói theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.
5	<b>Bộ khớp háng bán phần chuỗi dài không xi măng</b>			- Đạt tối thiểu một trong các chứng nhận/chứng chỉ: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu). - Để đảm bảo tính đồng bộ và tương thích của sản phẩm theo tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ, cả bộ phải cùng một chủ sở hữu <i>(Trường hợp các thành phần không cùng một chủ sở hữu thì phải cung cấp tài liệu của nhà sản xuất chứng minh tính tương thích và đồng bộ với nhau).</i>
5.1	Chuôi khớp	Cái	60	- Chất liệu: Hợp kim Titanium, dạng hình trụ liền khối, lớp ngoài phủ toàn bộ bằng HA (Hydroxyapatite) hoặc chất kích thích mọc xương. - Có rãnh dọc - Chiều dài: $\geq 190\text{mm}$ (bước tăng theo tiêu chuẩn nhà sản xuất) - Taper (cổ côn): 12/14
5.2	Chỏm khớp	Cái	60	- Chất liệu: hợp kim CoCr (Cobalt Chrome). - Có tối thiểu 02 đường kính trong khoảng từ 22mm đến 28mm.

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật
5.3	Ổ cối	Cái	60	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu vỏ: Hợp kim CoCr (Cobalt Chrome)</li> <li>- Chất liệu lót: Polyethylene cao phân tử.</li> <li>- Có các cỡ theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.</li> </ul>
6	<b>Bộ khớp háng bán phần chuỗi ngắn không xi măng</b>			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đạt tối thiểu một trong các chứng nhận/chứng chỉ: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu).</li> <li>- Để đảm bảo tính đồng bộ và tương thích của sản phẩm theo tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ, cả bộ phải cùng một chủ sở hữu (<i>Trường hợp các thành phần không cùng một chủ sở hữu thì phải cung cấp tài liệu của nhà sản xuất chứng minh tính tương thích và đồng bộ với nhau</i>).</li> </ul>
6.1	Chuôi khớp	Cái	120	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Hợp kim Titanium, lớp ngoài phủ bằng HA (Hydroxyapatite).</li> <li>- Có 3 điểm tỳ, có rãnh dọc rãnh ngang</li> <li>- Góc cổ: <math>\geq 127</math> độ</li> <li>- Chiều dài: <math>\leq 180</math>mm (bước giảm theo tiêu chuẩn nhà sản xuất).</li> <li>- Taper (cổ côn): 12/14.</li> </ul>
6.2	Chỏm khớp	Cái	120	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: hợp kim CoCr (Cobalt Chrome).</li> <li>- Có tối thiểu 02 đường kính trong khoảng từ 22mm đến 28mm.</li> </ul>
6.3	Ổ cối	Cái	120	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu vỏ: Hợp kim CoCr (Cobalt Chrome)</li> <li>- Chất liệu lót: Polyethylene cao phân tử.</li> <li>- Có các cỡ theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.</li> </ul>
7	<b>Bộ khớp háng toàn phần không xi măng</b>			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đạt tối thiểu một trong các chứng nhận/chứng chỉ: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu).</li> <li>- Để đảm bảo tính đồng bộ và tương thích của sản phẩm theo tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ, cả bộ phải cùng một chủ sở hữu (<i>Trường hợp các thành phần không cùng một chủ sở hữu thì phải cung cấp tài liệu của nhà sản xuất chứng minh tính tương thích và đồng bộ với nhau</i>).</li> </ul>
7.1	Chuôi khớp	Cái	140	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Hợp kim Titanium, lớp ngoài phủ bằng HA (Hydroxyapatite).</li> <li>- Có 3 điểm tỳ, có rãnh dọc rãnh ngang</li> <li>- Góc cổ: <math>\geq 127</math> độ</li> <li>- Chiều dài: <math>\leq 180</math>mm (bước giảm theo tiêu chuẩn nhà sản xuất).</li> <li>- Có tối thiểu 02 chiều dài cổ chuỗi theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.</li> </ul>

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật
				- Taper (cổ côn): 12/14
7.2	Chỏm khớp	Cái	140	- Chất liệu: hợp kim CoCr (Cobalt-Chromium). - Tối thiểu có các đường kính: 28mm, 32mm, 36mm ( $\pm 5\%$ )
7.3	Ổ cối	Cái	140	- Chất liệu: hợp kim titanium, phủ dạng xương xốp (cấu trúc 3D - Trabecular Metal) hoặc phủ dạng san hô. - Đường kính tối thiểu trong khoảng từ 46mm đến 58mm.
7.4	Lót ổ cối	Cái	140	- Chất liệu: Polyethylene cao phân tử liên kết chéo hoặc liên kết ngang. - Có gờ chống trượt: $\geq 10^\circ$ - Có các đường kính tương ứng với đường kính của mặt hàng STT 7.3 (Ổ cối).
7.5	Vít ổ cối	Cái	280	- Chất liệu: Titanium hoặc hợp kim Titanium. - Đường kính: 6.5mm. - Chiều dài tối thiểu trong khoảng từ 15mm đến 40mm.
8	<b>Bộ khớp háng toàn phần không xi măng chỏm sứ, lót liên kết ngang</b>			- Đạt tối thiểu một trong các chứng nhận/chứng chỉ: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu). - Để đảm bảo tính đồng bộ và tương thích của sản phẩm theo tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ, cả bộ phải cùng một chủ sở hữu ( <i>Trường hợp các thành phần không cùng một chủ sở hữu thì phải cung cấp tài liệu của nhà sản xuất chứng minh tính tương thích và đồng bộ với nhau</i> ).
8.1	Chuôi khớp	Cái	180	- Chất liệu: Hợp kim Titanium, lớp ngoài phủ bằng HA (Hydroxyapatite). - Có 3 điểm tỳ, có rãnh dọc rãnh ngang - Góc cổ: $\geq 127^\circ$ - Chiều dài: $\leq 180\text{mm}$ (bước giảm theo tiêu chuẩn nhà sản xuất). - Có tối thiểu 02 chiều dài cổ chuôi theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất - Taper (cổ côn): 12/14
8.2	Chỏm khớp	Cái	180	- Chất liệu: ceramic - Tối thiểu có các đường kính: 28mm, 32mm, 36mm ( $\pm 5\%$ )

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật
8.3	Ổ cối	Cái	180	- Chất liệu: hợp kim titanium, phủ dạng xương xốp (cấu trúc 3D - Trabecular Metal) hoặc phủ dạng san hô. - Đường kính tối thiểu trong khoảng từ 46mm đến 58mm.
8.4	Lót ổ cối	Cái	180	- Chất liệu: Polyethylene cao phân tử liên kết chéo hoặc liên kết ngang. - Có gờ chống trượt: $\geq 10^\circ$ - Có các đường kính tương ứng với đường kính của mặt hàng STT 8.3 (Ổ cối).
8.5	Vít ổ cối	Cái	360	- Chất liệu: Titanium hoặc hợp kim Titanium. - Đường kính: 6.5mm. - Chiều dài tối thiểu trong khoảng từ 15mm đến 40mm.
<b>9</b>	<b>Các loại nẹp và vít khóa</b>			
9.1	Nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay	Cái	30	- Chất liệu: Titanium hoặc hợp kim titanium hoặc thép không gỉ - Phân biệt trái/ phải, có tối thiểu 02 loại: mặt trong, mặt ngoài. - Số lỗ trên thân tối thiểu trong khoảng từ 6 lỗ đến 8 lỗ. - Đáp ứng tối thiểu một trong hai điều kiện: + Đạt chứng nhận/chứng chỉ: FDA (Mỹ) + Đạt chứng nhận/chứng chỉ: CE (Châu Âu) và xuất xứ: G7 (Mỹ, Anh, Canada, Pháp, Đức, Ý, Nhật Bản) hoặc châu Âu.
9.2	Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay	Cái	60	- Chất liệu: Titanium hoặc hợp kim titanium hoặc thép không gỉ - Số lỗ trên thân tối thiểu trong khoảng từ 4 lỗ đến 8 lỗ. - Đáp ứng tối thiểu một trong hai điều kiện: + Đạt chứng nhận/chứng chỉ: FDA (Mỹ) + Đạt chứng nhận/chứng chỉ: CE (Châu Âu) và xuất xứ: G7 (Mỹ, Anh, Canada, Pháp, Đức, Ý, Nhật Bản) hoặc châu Âu.
9.3	Nẹp khóa đầu dưới xương chày	Cái	100	- Chất liệu: titanium hoặc hợp kim titanium hoặc thép không gỉ - Phân biệt trái/ phải, có tối thiểu 03 loại: mặt ngoài, mặt trong và mặt trong không vít mắt cá.

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lỗ trên thân tối thiểu trong khoảng từ 5 lỗ đến 12 lỗ.</li> <li>- Đáp ứng tối thiểu một trong hai điều kiện:</li> <li>+ Đạt chứng nhận/chứng chỉ: FDA (Mỹ)</li> <li>+ Đạt chứng nhận/chứng chỉ: CE (Châu Âu) và xuất xứ: G7 (Mỹ, Anh, Canada, Pháp, Đức, Ý, Nhật Bản) hoặc châu Âu.</li> </ul>
9.4	Nẹp khóa đầu trên xương chày	Cái	160	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Titanium hoặc hợp kim titanium hoặc thép không gỉ.</li> <li>- Phân biệt trái/ phải.</li> <li>- Số lỗ trên thân tối thiểu trong khoảng từ 5 lỗ đến 10 lỗ.</li> <li>- Đáp ứng tối thiểu một trong hai điều kiện:</li> <li>+ Đạt chứng nhận/chứng chỉ: FDA (Mỹ)</li> <li>+ Đạt chứng nhận/chứng chỉ: CE (Châu Âu) và xuất xứ: G7 (Mỹ, Anh, Canada, Pháp, Đức, Ý, Nhật Bản) hoặc châu Âu.</li> </ul>
9.5	Nẹp khóa đầu dưới xương đùi	Cái	100	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Titanium hoặc hợp kim titanium hoặc thép không gỉ</li> <li>- Phân biệt trái/ phải.</li> <li>- Số lỗ trên thân tối thiểu trong khoảng từ 5 lỗ đến 12 lỗ.</li> <li>- Đáp ứng tối thiểu một trong hai điều kiện:</li> <li>+ Đạt chứng nhận/chứng chỉ: FDA (Mỹ)</li> <li>+ Đạt chứng nhận/chứng chỉ: CE (Châu Âu) và xuất xứ: G7 (Mỹ, Anh, Canada, Pháp, Đức, Ý, Nhật Bản) hoặc châu Âu.</li> </ul>
9.6	Nẹp khóa đầu trên xương đùi	Cái	160	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: Titanium hoặc hợp kim titanium hoặc thép không gỉ.</li> <li>- Phân biệt trái/ phải</li> <li>- Số lỗ trên thân tối thiểu trong khoảng từ 2 lỗ đến 12 lỗ.</li> <li>- Đáp ứng tối thiểu một trong hai điều kiện:</li> <li>+ Đạt chứng nhận/chứng chỉ: FDA (Mỹ)</li> <li>+ Đạt chứng nhận/chứng chỉ: CE (Châu Âu) và xuất xứ: G7 (Mỹ, Anh, Canada, Pháp, Đức, Ý, Nhật Bản) hoặc châu Âu.</li> </ul>
9.7	Nẹp khóa xương đòn	Cái	20	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: Titanium hoặc hợp kim titanium hoặc thép không gỉ.</li> </ul>

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân biệt trái/ phải, có tối thiểu 02 loại: có móc và không có móc.</li> <li>- Số lỗ trên thân tối thiểu trong khoảng từ 3 đến 8 lỗ.</li> <li>- Đáp ứng tối thiểu một trong hai điều kiện:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đạt chứng nhận/chứng chỉ: FDA (Mỹ)</li> <li>+ Đạt chứng nhận/chứng chỉ: CE (Châu Âu) và xuất xứ: G7 (Mỹ, Anh, Canada, Pháp, Đức, Ý, Nhật Bản) hoặc châu Âu.</li> </ul> </li> </ul>
9.8	Nẹp khóa xương gót	Cái	10	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: Titanium hoặc hợp kim titanium hoặc thép không gỉ.</li> <li>- Phân biệt trái/ phải, loại không có móc.</li> <li>- Đáp ứng tối thiểu một trong hai điều kiện:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đạt chứng nhận/chứng chỉ: FDA (Mỹ)</li> <li>+ Đạt chứng nhận/chứng chỉ: CE (Châu Âu) và xuất xứ: G7 (Mỹ, Anh, Canada, Pháp, Đức, Ý, Nhật Bản) hoặc châu Âu.</li> </ul> </li> </ul>
9.9	Vít khóa đường kính 2.7mm	Cái	540	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Titanium hoặc hợp kim titanium hoặc thép không gỉ.</li> <li>- Tự taro, tạo ren toàn thân vít, đường kính 2.7mm (<math>\pm 5\%</math>).</li> <li>- Chiều dài tối thiểu trong khoảng từ 6mm đến 40mm.</li> <li>- Đáp ứng tối thiểu một trong hai điều kiện:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đạt chứng nhận/chứng chỉ: FDA (Mỹ)</li> <li>+ Đạt chứng nhận/chứng chỉ: CE (Châu Âu) và xuất xứ: G7 (Mỹ, Anh, Canada, Pháp, Đức, Ý, Nhật Bản) hoặc châu Âu.</li> </ul> </li> </ul>
9.10	Vít khóa đường kính 3.5mm	Cái	300	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Titanium hoặc hợp kim titanium hoặc thép không gỉ.</li> <li>- Tự taro, tạo ren toàn thân vít, đường kính 3.5mm (<math>\pm 5\%</math>).</li> <li>- Chiều dài tối thiểu trong khoảng từ 14 đến 60mm.</li> <li>- Đáp ứng tối thiểu một trong hai điều kiện:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đạt chứng nhận/chứng chỉ: FDA (Mỹ)</li> <li>+ Đạt chứng nhận/chứng chỉ: CE (Châu Âu) và xuất xứ: G7 (Mỹ, Anh, Canada, Pháp, Đức, Ý, Nhật Bản) hoặc châu Âu.</li> </ul> </li> </ul>
9.11	Vít khóa đường kính 5.0mm	Cái	3.120	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Titanium hoặc hợp kim titanium hoặc thép không gỉ.</li> <li>- Tự taro, tạo ren toàn thân vít, đường kính 5.0mm (<math>\pm 5\%</math>).</li> </ul>

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chiều dài tối thiểu trong khoảng từ 25 đến 90mm.</li> <li>- Đáp ứng tối thiểu một trong hai điều kiện:</li> <li>+ Đạt chứng nhận/chứng chỉ: FDA (Mỹ)</li> <li>+ Đạt chứng nhận/chứng chỉ: CE (Châu Âu) và xuất xứ: G7 (Mỹ, Anh, Canada, Pháp, Đức, Ý, Nhật Bản) hoặc châu Âu.</li> </ul>
9.12	Vít xóp khóa rộng nòng	Cái	500	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Titanium hoặc hợp kim titanium hoặc thép không gỉ.</li> <li>- Xóp, khóa, rộng nòng</li> <li>- Đường kính thân vít tối thiểu trong khoảng từ 6.5mm đến 7.5mm.</li> <li>- Chiều dài tối thiểu trong khoảng từ 45 đến 90mm.</li> <li>- Đáp ứng tối thiểu một trong hai điều kiện:</li> <li>+ Đạt chứng nhận/chứng chỉ: FDA (Mỹ)</li> <li>+ Đạt chứng nhận/chứng chỉ: CE (Châu Âu) và xuất xứ: G7 (Mỹ, Anh, Canada, Pháp, Đức, Ý, Nhật Bản) hoặc châu Âu.</li> </ul>
<b>10</b>	<b>Các loại nẹp và vít thường</b>			
10.1	Nẹp bản hẹp	Cái	360	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: Thép không gỉ</li> <li>- Nẹp rộng 12mm (<math>\pm 5\%</math>).</li> <li>- Số lỗ trên thân tối thiểu trong khoảng từ 6 lỗ đến 12 lỗ.</li> <li>- Khoảng cách giữa các lỗ: 16.0mm (<math>\pm 5\%</math>).</li> <li>- Đáp ứng tối thiểu một trong hai điều kiện:</li> <li>+ Đạt chứng nhận/chứng chỉ: FDA (Mỹ)</li> <li>+ Đạt chứng nhận/chứng chỉ: CE (Châu Âu) và xuất xứ: G7 (Mỹ, Anh, Canada, Pháp, Đức, Ý, Nhật Bản) hoặc châu Âu.</li> </ul>
10.2	Nẹp bản nhỏ	Cái	360	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: Thép không gỉ</li> <li>- Nẹp rộng 10mm (<math>\pm 5\%</math>).</li> <li>- Số lỗ trên thân tối thiểu trong khoảng từ 6 lỗ đến 10 lỗ.</li> <li>- Khoảng cách giữa các lỗ: 12.0mm (<math>\pm 5\%</math>).</li> <li>- Đáp ứng tối thiểu một trong hai điều kiện:</li> <li>+ Đạt chứng nhận/chứng chỉ: FDA (Mỹ)</li> <li>+ Đạt chứng nhận/chứng chỉ: CE (Châu Âu) và xuất xứ: G7 (Mỹ, Anh, Canada, Pháp, Đức, Ý, Nhật Bản) hoặc châu Âu.</li> </ul>

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật
10.3	Nẹp bản rộng	Cái	240	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: Thép không gỉ</li> <li>- Nẹp rộng 16mm (<math>\pm 5\%</math>).</li> <li>- Số lỗ trên thân tối thiểu trong khoảng từ 6 lỗ đến 12 lỗ.</li> <li>- Khoảng cách giữa các lỗ: 18.0mm (<math>\pm 5\%</math>).</li> <li>- Đáp ứng tối thiểu một trong hai điều kiện: + Đạt chứng nhận/chứng chỉ: FDA (Mỹ) + Đạt chứng nhận/chứng chỉ: CE (Châu Âu) và xuất xứ: G7 (Mỹ, Anh, Canada, Pháp, Đức, Ý, Nhật Bản) hoặc châu Âu.</li> </ul>
10.4	Nẹp chữ T 3 lỗ đầu dùng cho vít 3.5mm	Cái	180	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: Thép không gỉ</li> <li>- Đầu chữ T có 3 lỗ.</li> <li>- Số lỗ trên thân tối thiểu trong khoảng từ 3 lỗ đến 5 lỗ.</li> <li>- Đáp ứng tối thiểu một trong hai điều kiện: + Đạt chứng nhận/chứng chỉ: FDA (Mỹ) + Đạt chứng nhận/chứng chỉ: CE (Châu Âu) và xuất xứ: G7 (Mỹ, Anh, Canada, Pháp, Đức, Ý, Nhật Bản) hoặc châu Âu.</li> </ul>
10.5	Nẹp lòng máng	Cái	120	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: Thép không gỉ</li> <li>- Nẹp dày 1.0mm (<math>\pm 5\%</math>).</li> <li>- Số lỗ trên thân tối thiểu trong khoảng từ 6 lỗ đến 8 lỗ.</li> <li>- Khoảng cách giữa các lỗ: 12.0mm (<math>\pm 5\%</math>).</li> <li>- Đáp ứng tối thiểu một trong hai điều kiện: + Đạt chứng nhận/chứng chỉ: FDA (Mỹ) + Đạt chứng nhận/chứng chỉ: CE (Châu Âu) và xuất xứ: G7 (Mỹ, Anh, Canada, Pháp, Đức, Ý, Nhật Bản) hoặc châu Âu.</li> </ul>
10.6	Nẹp mắt xích	Cái	240	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: Thép không gỉ</li> <li>- Dạng mắt xích, dày 3.0mm (<math>\pm 5\%</math>).</li> <li>- Số lỗ trên thân tối thiểu trong khoảng 6 lỗ đến 8 lỗ.</li> <li>- Khoảng cách giữa các lỗ: 12.0mm (<math>\pm 5\%</math>).</li> <li>- Đáp ứng tối thiểu một trong hai điều kiện: + Đạt chứng nhận/chứng chỉ: FDA (Mỹ) + Đạt chứng nhận/chứng chỉ: CE (Châu Âu) và xuất xứ: G7 (Mỹ, Anh, Canada, Pháp, Đức, Ý, Nhật Bản) hoặc châu Âu.</li> </ul>

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật
10.7	Vít xóp đường kính 4.0mm	Cái	300	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: thép không gỉ</li> <li>- Tạo ren 1 phần, đường kính vít 4.0mm (<math>\pm 5\%</math>).</li> <li>- Mũ vít hình lục giác hoặc lục lăng.</li> <li>- Chiều dài tối thiểu trong khoảng từ 10mm đến 70mm.</li> <li>- Đáp ứng tối thiểu một trong hai điều kiện: + Đạt chứng nhận/chứng chỉ: FDA (Mỹ) + Đạt chứng nhận/chứng chỉ: CE (Châu Âu) và xuất xứ: G7 (Mỹ, Anh, Canada, Pháp, Đức, Ý, Nhật Bản) hoặc châu Âu.</li> </ul>
10.8	Vít xóp đường kính 6.5mm	Cái	400	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: thép không gỉ</li> <li>- Tạo ren 1 phần, đường kính vít 6.5mm (<math>\pm 5\%</math>).</li> <li>- Mũ vít hình lục giác hoặc lục lăng</li> <li>- Chiều dài tối thiểu trong khoảng từ 32mm đến 140mm.</li> <li>- Đáp ứng tối thiểu một trong hai điều kiện: + Đạt chứng nhận/chứng chỉ: FDA (Mỹ) + Đạt chứng nhận/chứng chỉ: CE (Châu Âu) và xuất xứ: G7 (Mỹ, Anh, Canada, Pháp, Đức, Ý, Nhật Bản) hoặc châu Âu.</li> </ul>
10.9	Vít xương cứng đường kính 3.5mm	Cái	4.000	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: Thép không gỉ</li> <li>- Mũ vít hình lục giác hoặc lục lăng</li> <li>- Đường kính: 3.5mm (<math>\pm 5\%</math>).</li> <li>- Chiều dài tối thiểu trong khoảng từ 8mm đến 70mm.</li> <li>- Đáp ứng tối thiểu một trong hai điều kiện: + Đạt chứng nhận/chứng chỉ: FDA (Mỹ) + Đạt chứng nhận/chứng chỉ: CE (Châu Âu) và xuất xứ: G7 (Mỹ, Anh, Canada, Pháp, Đức, Ý, Nhật Bản) hoặc châu Âu.</li> </ul>
10.10	Vít xương cứng đường kính 4.5mm	Cái	5.000	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: Thép không gỉ</li> <li>- Mũ vít hình lục giác hoặc lục lăng</li> <li>- Đường kính: 4.5mm (<math>\pm 5\%</math>).</li> <li>- Chiều dài tối thiểu trong khoảng từ 12mm đến 90mm.</li> <li>- Đáp ứng tối thiểu một trong hai điều kiện: + Đạt chứng nhận/chứng chỉ: FDA (Mỹ) + Đạt chứng nhận/chứng chỉ: CE (Châu Âu) và xuất xứ: G7 (Mỹ, Anh, Canada, Pháp, Đức, Ý, Nhật Bản) hoặc châu Âu.</li> </ul>

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật
<b>11</b>	<b>Chỉ thép, đinh Kirschner</b>			
11.1	Chỉ thép	Cuộn	200	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: Thép không gỉ.</li> <li>- Chiều dài cuộn: <math>\geq 5.0\text{m}</math>.</li> <li>- Có các đường kính tối thiểu trong khoảng từ 0.7mm đến 1.0mm.</li> <li>- Xuất xứ: G7 (Mỹ, Anh, Canada, Pháp, Đức, Ý, Nhật Bản) hoặc Châu Âu</li> </ul>
11.2	Đinh Kirschner	Cái	2.000	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: Thép không gỉ.</li> <li>- Chiều dài: 310mm (<math>\pm 5\%</math>).</li> <li>- Có các đường kính tối thiểu trong khoảng từ 1.0mm đến 2.4mm.</li> <li>- Xuất xứ: G7 (Mỹ, Anh, Canada, Pháp, Đức, Ý, Nhật Bản) hoặc Châu Âu</li> </ul>
<b>12</b>	<b>Đinh nội tủy, vít</b>			
12.1	Đinh nội tủy xương chày có chốt	Cái	300	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: Titanium hoặc hợp kim titanium hoặc thép không gỉ</li> <li>- Đinh có tối thiểu 7 lỗ bắt vít, đầu đinh cong.</li> <li>- Có các đường kính tối thiểu trong khoảng từ 8.5mm đến 10.0mm.</li> <li>- Có các chiều dài tối thiểu trong khoảng từ 220mm đến 420mm.</li> <li>- Khoảng cách lỗ thấp nhất đến đầu đinh <math>\leq 5\text{mm}</math></li> <li>- Đạt tối thiểu một trong các chứng nhận/chứng chỉ: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu).</li> <li>- Xuất xứ: G20</li> </ul>
12.2	Đinh nội tủy đầu trên xương đùi	Cái	20	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: Titanium hoặc hợp kim titanium hoặc thép không gỉ</li> <li>- Có các đường kính tối thiểu trong khoảng từ 9mm đến 12mm.</li> <li>- Có các chiều dài tối thiểu trong khoảng từ 170mm đến 240mm.</li> <li>- Đạt tối thiểu một trong các chứng nhận/chứng chỉ: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu).</li> <li>- Xuất xứ: G20</li> </ul>
12.3	Đinh nội tủy xương đùi có chốt	Cái	200	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: Titanium hoặc hợp kim titanium hoặc thép không gỉ</li> <li>- Đinh có tối thiểu 4 lỗ bắt vít.</li> </ul>

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có các đường kính tối thiểu trong khoảng từ 9.5mm đến 10.0mm.</li> <li>- Có các chiều dài tối thiểu trong khoảng từ 190mm đến 420mm.</li> <li>- Đạt tối thiểu một trong các chứng nhận/chứng chỉ: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu).</li> <li>- Xuất xứ: G20</li> </ul>
12.4	Vít chốt ngang	Cái	600	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: Titanium hoặc hợp kim titanium hoặc thép không gỉ</li> <li>- Tạo ren toàn thân vít.</li> <li>- Có các đường kính tối thiểu trong khoảng từ 4.5mm đến 5.0mm.</li> <li>- Có các chiều dài tối thiểu trong khoảng từ 25mm đến 75mm.</li> <li>- Đạt tối thiểu một trong các chứng nhận/chứng chỉ: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu).</li> <li>- Xuất xứ: G20</li> </ul>
12.5	Vít nén ép cổ xương đùi	Cái	20	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: Titanium hoặc hợp kim titanium hoặc thép không gỉ</li> <li>- Có các đường kính tối thiểu trong khoảng từ 10mm đến 11mm.</li> <li>- Có các chiều dài tối thiểu trong khoảng từ 75mm đến 100mm.</li> <li>- Dùng được với mặt hàng STT 12.2 (Đinh nội tủy Đinh nội tủy đầu trên xương đùi).</li> <li>- Đạt tối thiểu một trong các chứng nhận/chứng chỉ: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu).</li> <li>- Xuất xứ: G20.</li> </ul>
<b>13</b>	<b>Nẹp vít mini</b>			
13.1	Nẹp mini	Cái	40	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Titanium</li> <li>- Thân nẹp thẳng.</li> <li>- Có 02 đường kính tối thiểu trong khoảng từ 1.5mm đến 2.0mm.</li> <li>- Số lỗ trên thân tối thiểu trong khoảng từ 4 lỗ đến 8 lỗ.</li> <li>- Đạt tối thiểu một trong các chứng nhận/chứng chỉ: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu).</li> <li>- Xuất xứ: G20</li> </ul>

<b>STT</b>	<b>Danh mục hàng hóa</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật</b>
13.2	Vít mini	Cái	200	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Hợp kim titanium</li> <li>- Tạo ren toàn thân vít.</li> <li>- Có 02 đường kính tối thiểu trong khoảng từ 1.5mm đến 2.0mm.</li> <li>- Có các chiều dài tối thiểu trong khoảng từ 15mm đến 20mm.</li> <li>- Đạt tối thiểu một trong các chứng nhận/chứng chỉ: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu).</li> <li>- Xuất xứ: G20</li> </ul>
14	<b>Khung cố định ngoại vi</b>	Cái	120	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: thép không gỉ.</li> <li>- Tối thiểu bao gồm: 01 ống tròn và 06 đỉnh.</li> <li>- Có lỗ dọc thân ống.</li> <li>- Chiều dài ống trong khoảng từ 20cm đến 30cm.</li> <li>- Đạt tối thiểu một trong các chứng nhận/chứng chỉ: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu).</li> </ul>

**Mẫu báo giá**  
**Gói thầu Mua sắm vật tư phẫu thuật khớp, đinh, nẹp, vít chấn thương, bơm**  
**xi măng cột sống năm 2025-2027**

**BÁO GIÁ**

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các loại vật tư, hoá chất, thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế:

STT	STT theo yêu cầu báo giá	Danh mục hàng hóa	Ký, mã, nhãn hiệu, model	Hãng sản xuất	Đặc tính kỹ thuật, thông số kỹ thuật	Mã HS (Nếu xác định được)	Nước sản xuất	Số lượng/ khối lượng	Quy cách	Đơn vị tính	Đơn giá chưa thuế (VND)	Thuế suất (%)	Thành tiền (VND)
1		Hàng hoá A											
2		Hàng hoá B											
n		...											

Hãng sản xuất, nhà cung cấp: Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật, hợp đồng tương tự hoặc các tài liệu liên quan của thiết bị y tế (nếu có)

2. Báo giá đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có)...và các khoản chi phí khác có liên quan, bên mua không phải trả thêm bất kỳ khoản chi phí nào khác.

3. Hàng hóa mới 100%, bàn giao tại đơn vị sử dụng. Bảo hành theo tiêu chuẩn nhà sản xuất .... Tháng (nếu có).

4. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 90 ngày, kể từ ngày 09/01/2026.

5. Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về việc cung cấp thông tin về giá của hàng hóa, dịch vụ phù hợp với khả năng cung cấp của mình và bảo đảm việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng khống giá.

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy

chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

...., ngày.... tháng....năm....

**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp**  
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))